

| | | | | | |
|------------------------|---------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| VNINDEX | HNX | UPCOM | DOW JONES | NIKKEI 225 | DAX |
| 1.867.21 +0.39% | 313.16 0.00% | 129.57 -0.28% | 52,305.24 -0.03% | 70,474.96 +0.59% | 25,040.28 +0.18% |

Biểu đồ VNINDEX



Nhận định thị trường và chiến lược

"Nhóm ngành phân hóa"

Kết thúc phiên giao dịch ngày 01/07, VN-Index tăng +7.2 điểm (+0.39%) lên mức 1867.21 điểm với 195 mã tăng, 121 mã giảm và 58 mã tham chiếu. Tổng khối lượng giao dịch đạt 615 triệu cổ phiếu (-11.2%). Tổng giá trị giao dịch đạt 17.183 tỷ đồng, tương ứng giảm -11.3% so với phiên trước.

Diễn biến các chỉ số chính: VN-Index (+0.39%), HNX-Index (0%), UPCOM-Index (-0.28%), VN30 (+0.88%), VNMIID (+0.42%), VNSML (+0.17%), VNDIAMOND (+1.74%), VNFINLEAD (+1.47%), VNCOND (+1.06%), VNCONS (+0.43%).

Khối ngoại mua ròng +354.79 tỷ đồng trên HOSE. Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất: VHM (-107.19 tỷ), HPG (-56.59 tỷ), VNM (-48.76 tỷ). Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu được mua ròng gồm: VPB (+326.93 tỷ), HDB (+87.73 tỷ), VIC (+81.39 tỷ).

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Thị trường tiếp diễn trạng thái tích cực trên biểu đồ ngày với giá vận động tốt trên MA10 ngày, lực mua chiếm ưu thế trong phiên và chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Ngân hàng. Hiện tại VN-Index đang hướng lên vùng đỉnh cũ 1920 điểm tuy nhiên vẫn cần tiếp tục đánh giá lực cung tại đây do các yếu tố tin cậy chưa thể hiện rõ ràng.

Xu hướng ngắn hạn: Trên biểu đồ ngày, cấu trúc ngắn hạn của VN-Index đang tăng tiếp diễn và có khả năng hướng lên vùng đỉnh cũ 1920 điểm khi các cổ phiếu có tỷ trọng vốn hóa lớn tác động tích cực đến điểm số thị trường. Bên cạnh đó, động lượng thị trường đang được cải thiện trên khung H1 với vị thế giá cải lên MA10/20 giờ, chỉ báo MACD cải thiện. Tín hiệu tăng sẽ tiếp diễn ở phiên tới nhưng chỉ số vẫn cần đánh giá lại lực cung tại vùng đỉnh cũ.

Hỗ trợ trên khung ngày: 1750 - 1800 điểm.

Xu hướng trung hạn: VN-Index có xu hướng thiết lập mô hình đi ngang biên độ rộng (1600 – 1900 điểm) trong trung hạn khi tạo cấu trúc đỉnh bằng nhau. Tâm lý thị trường chung có thể đi vào vùng khó khăn khá giống tháng 6/2024 khi thị trường vận động không rõ ràng về mặt xu hướng.

Hỗ trợ trên khung trung hạn: 1586 - 1606 điểm.

Kết luận: Dòng tiền tiếp tục luân chuyển và diễn ra phân hóa trong khi các nhóm ngành được ưu ái vẫn sẽ tiếp tục được cầu mua ủng hộ đẩy giá. Nhà đầu tư ngắn hạn chú ý đến vị thế giao dịch của mình trong giai đoạn này.

Với dự báo xu hướng của giai đoạn tới, chúng tôi đưa ra mức hỗ trợ - kháng cự như sau:

- Kháng cự 2: 2084 - 2154
- Kháng cự 1: 1950 - 2018
- Hỗ trợ 1: 1586 - 1606
- Hỗ trợ 2: 1500 +/-

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

Thị trường có diễn biến tích cực nhờ lực nâng đỡ từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán và các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Cấu trúc ngắn hạn tăng tiếp diễn, động lượng của chỉ số trên khung H1 đang tích cực trở lại tuy nhiên nhà đầu tư vẫn cần chú ý lực cung khi chỉ số tiến đến vùng kháng cự tại đỉnh cũ 1920 điểm.

Thị trường bước sang tháng 7 - tháng xuất hiện nhiều biến động về tin tức và kết quả kinh doanh Q2/2026. Nhà đầu tư giao dịch chọn lọc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong phiên: ORS, BVS, MBS, FTS.

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Báo cáo cổ phiếu GEX – Triển vọng tích cực nhưng lợi nhuận ngắn hạn gặp nhiều thách thức
- Báo cáo cổ phiếu HVH – Triển vọng lợi nhuận 2026 dự báo tích cực

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ

| STT | Mã | Ngày mở MUA | Vùng mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Lợi nhuận dự kiến | Giá hiện tại (*) | %Lãi/lỗ hiện tại | Trạng thái |
|-----|-----|-------------|-------------|--------------|------------|-------------------|------------------|------------------|------------|
| 1 | FPT | 19/05/2026 | 74 - 75 | 80.0 | 70.0 | 7.67% | 72.90 | -1.88% | Nắm giữ |
| 2 | HPG | 05/06/2026 | 23.5 - 24 | 26.0 | 22.8 | 9.47% | 23.45 | -0.21% | Nắm giữ |
| 3 | VIB | 05/06/2026 | 16.1 - 16.4 | 17 - 18 | 15.5 | 7.69% | 16.60 | 3.11% | Nắm giữ |
| 4 | VCK | 10/06/2026 | 32.4 - 33 | 35.4 | 31.0 | 8.26% | 33.35 | 1.06% | Nắm giữ |
| 5 | SZC | 12/06/2026 | 22.5 - 23.5 | 26.0 | 21.0 | 13.04% | 22.75 | -2.78% | Nắm giữ |
| 6 | BID | 18/06/2026 | 42 - 42.5 | 46 - 49 | 40.5 | 12.43% | 43.05 | 2.50% | Nắm giữ |
| 7 | NGK | 18/06/2026 | 12.3 - 12.5 | 14.7 | 11.5 | 18.55% | 12.05 | -2.03% | Nắm giữ |
| 8 | CTG | 24/06/2026 | 33.5 - 34 | 36.5 | 32.0 | 8.15% | 34.40 | 2.53% | Nắm giữ |
| 9 | HDB | 24/06/2026 | 25 - 25.5 | 27 - 28 | 24.0 | 8.91% | 26.60 | 4.72% | Nắm giữ |
| 10 | VPB | 24/06/2026 | 26.2 - 26.7 | 28 - 30 | 25.0 | 9.64% | 27.70 | 5.73% | Nắm giữ |
| 11 | ORS | 02/07/2026 | 13.3 - 13.6 | 14.5 - 15.7 | 12.5 | 12.27% | 13.80 | 0.00% | Mua mới |
| 12 | BVS | 02/07/2026 | 26 - 27 | 31.0 | 24.0 | 16.98% | 27.50 | 0.00% | Mua mới |
| 13 | MBS | 02/07/2026 | 20 - 20.5 | 22 - 24 | 19.0 | 13.58% | 20.40 | 0.00% | Mua mới |
| 14 | FTS | 02/07/2026 | 26 - 26.5 | 29 - 30 | 25.0 | 12.38% | 26.90 | 0.00% | Mua mới |

Lưu ý: Để xem lịch sử khuyến nghị của ABS, vui lòng click vào [đây](#).

TIN TỨC THẾ GIỚI

- Thị trường lao động Mỹ phục hồi mạnh mẽ nhất trong hơn 2 năm qua
- Lần đầu tiên nhiều ngân hàng trung ương có kế hoạch giảm tỷ trọng nắm giữ USD
- Fed đặt một lần sóng lạt phát thứ ba tại Mỹ

TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY

- Xuất khẩu thủy sản nửa đầu năm tăng trưởng 2 con số
- PMI tháng 6/2026: Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhẹ
- Đề xuất bổ sung loại hình đất ở có thời hạn vào Luật Đất đai

LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý

- 02/07/2026: Công bố tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ
- 06/07/2026: Công bố số liệu kinh tế VN Quý II và 6 tháng

| Chỉ số thị trường Việt Nam | 01/07/2026 | (+/-%) 1 phiên | (+/-%) 7 phiên | (+/-%) 30 phiên |
|----------------------------|------------|----------------|----------------|-----------------|
| VNINDEX | 1,867.21 | 0.39% | -0.10% | -1.56% |
| VNINDEX GTGD (Tỷ VND) | 17,232.35 | -11.86% | -44.47% | -21.86% |
| HNX | 313.16 | 0.00% | -4.05% | 18.46% |
| HNX GTGD (Tỷ VND) | 804.78 | 14.10% | -29.34% | -12.26% |
| Upcom | 129.57 | -0.28% | 1.68% | 2.82% |
| Upcom GTGD (Tỷ VND) | 683.35 | 84.93% | -32.68% | -1.87% |
| P/E VNindex (x) | 13.84 | 0.44% | 0.95% | -1.98% |
| P/B VNindex (x) | 2.13 | 0.47% | 0.47% | -2.29% |

TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE

| Top cổ phiếu VN30 | Top 5 mã tăng giá 1 phiên | Top 5 mã giảm giá 1 phiên | Top 5 mã tăng giá 7 phiên | Top 5 mã giảm giá 7 phiên | Top 5 mã tăng giá 30 phiên | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |
|-------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------------|
| 1 | BSR 5.38% | VHM -2.04% | SSB 8.91% | VIC -5.20% | SSB 20.16% | BSR -17.10% |
| 2 | FPT 3.85% | VPL -1.78% | TCB 7.02% | VPL -2.54% | ACB 15.30% | BSR -12.81% |
| 3 | HDB 2.90% | VIC -1.32% | MWG 5.26% | VNM -2.39% | TPB 7.37% | VRE -10.66% |
| 4 | VPB 2.59% | STB -0.81% | VPB 4.33% | VRE -1.67% | TCB 6.36% | GAS -10.65% |
| 5 | MWG 2.43% | LPB -0.75% | MBB 3.83% | GVR -1.19% | VIB 4.40% | GVR -8.43% |

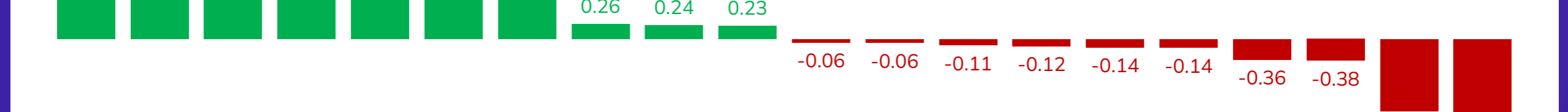
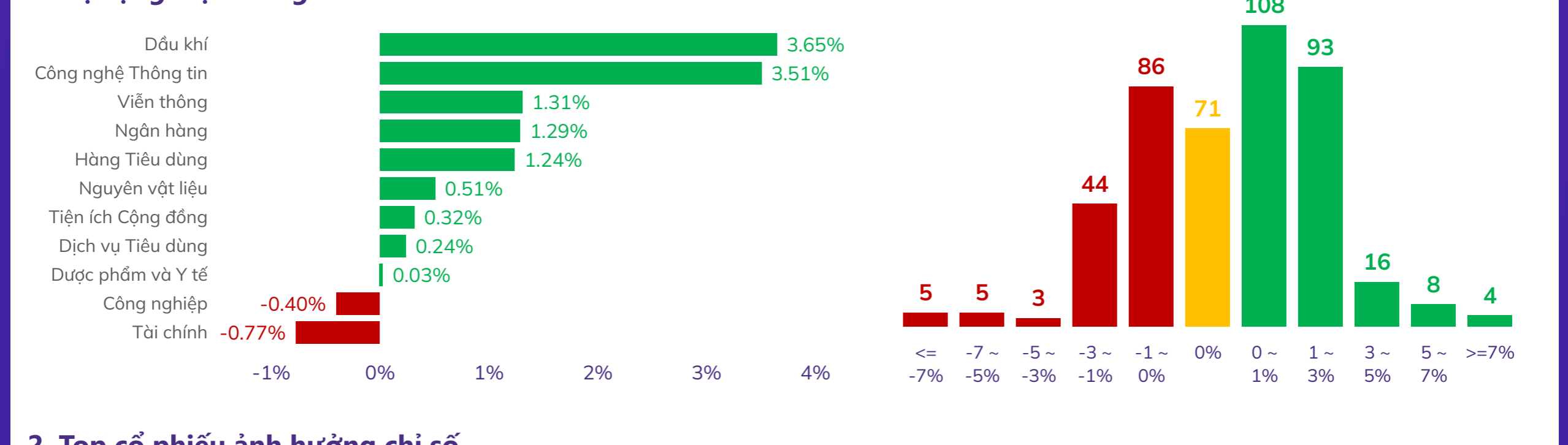
| Top cổ phiếu Mid cap | Top 5 mã tăng giá 1 phiên | Top 5 mã giảm giá 1 phiên | Top 5 mã tăng giá 7 phiên | Top 5 mã giảm giá 7 phiên | Top 5 mã tăng giá 30 phiên | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |
|----------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------------|
| 1 | MC 5.57% | ACG -4.35% | MCH 10.70% | STG -7.66% | CTS 25.65% | STG -21.16% |
| 2 | M 3.00% | PC1 -2.60% | PVD 8.08% | DGC -5.15% | KLB 17.79% | DCM -14.23% |
| 3 | MCH 5.00% | VGC -2.44% | TMP 7.24% | CRE -4.46% | VAB 14.85% | SJS -13.64% |
| 4 | TMP 4.53% | KBC -2.30% | MC 6.91% | PNJ -3.83% | BSI 14.12% | DPM -12.17% |
| 5 | VTP 3.31% | PGV -1.96% | M 6.91% | PGV -3.63% | HVN 13.48% | NVL -11.82% |

| Top cổ phiếu Small cap | Top 5 mã tăng giá 1 phiên | Top 5 mã giảm giá 1 phiên | Top 5 mã tăng giá 7 phiên | Top 5 mã giảm giá 7 phiên | Top 5 mã tăng giá 30 phiên | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------------|
| 1 | TNC 6.97% | ACC -6.67% | LAF 41.90% | PTL -13.39% | LAF 51.19% | TCO -31.61% |
| 2 | LAF 6.95% | VID -6.44% | ASP 24.58% | ACC -9.31% | CLW 37.37% | CRC -25.85% |
| 3 | PMG 6.72% | CVT -5.69% | PTC 12.00% | TNH -8.43% | ASP 28.25% | VPG -24.20% |
| 4 | ASP 6.09% | GEG -4.76% | PET 9.38% | VNG -7.42% | PET 14.87% | STK -20.93% |
| 5 | TDM 5.26% | PTL -3.51% | CCL 8.23% | STK -6.42% | CIG 14.80% | FDC -19.68% |

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA

| | 01/07/2026 | (+/-%) 1 phiên | (+/-%) 7 phiên | (+/-%) 30 phiên | |
|--------------------------------------|---------------------|----------------|----------------|-----------------|---------|
| TTCK Toàn cầu | | | | | |
| DAX | 25,040.28 | 0.18% | 0.59% | 1.76% | |
| Dow Jones | 52,305.24 | -0.03% | 1.24% | 5.96% | |
| FTSE 100 | 10,478.34 | -0.18% | 0.47% | 0.44% | |
| Nikkei 225 | 70,474.96 | 0.59% | 0.98% | 14.25% | |
| S&P 500 | 7,483.23 | -0.22% | 1.60% | 1.76% | |
| Tỷ giá | | | | | |
| USD/VND | 26,315.00 | 0.10% | -0.02% | -0.22% | |
| USD/JPY | 162.57 | 0.39% | 0.62% | 2.30% | |
| GBP/USD | 1.33 | 0.00% | 0.76% | -0.75% | |
| EUR/USD | 1.14 | 0.00% | 0.00% | -1.72% | |
| Năng lượng | | | | | |
| Dầu thô Brent | USD/Bbl | 73.40 | 0.62% | -4.77% | -28.45% |
| Khí tự nhiên | USD/MMBtu | 3.25 | -0.91% | 2.20% | 2.85% |
| Than | USD/T | 129.65 | 1.53% | -9.90% | -2.11% |
| Kim loại và vật liệu xây dựng | | | | | |
| Gỗ | USD/1000 board feet | 617.00 | 0.16% | -2.99% | 4.05% |
| Quặng sắt | USD/T | 100.20 | -0.06% | -0.58% | -9.35% |
| Vàng | USD/t.oz | 4,002.15 | -0.14% | -2.71% | -11.90% |
| Đồng | USD/Lbs | 6.18 | -0.16% | 0.49% | -1.28% |
| Thép | CNY/T | 3,051.00 | -0.16% | -0.81% | -4.12% |
| Bạc | USD/t.oz | 58.31 | -0.34% | -5.26% | -23.92% |
| Thép cuộn cán nóng | USD/T | 1,166.00 | -0.85% | -3.48% | 2.10% |
| Nông nghiệp | | | | | |
| Cà phê | USD/Lbs | 302.15 | 8.77% | 13.16% | 12.62% |
| Cao su | USD Cents / Kg | 211.90 | 1.58% | -6.82% | -4.68% |
| Lợn hơi | USD/Lbs | 94.38 | 0.59% | -0.29% | -4.21% |
| Lúa mì | USD/Bu | 584.09 | 0.58% | -0.45% | -11.57% |
| Đường | USD/Lbs | 14.80 | 0.14% | 6.94% | 0.48% |

BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 01/07/2026



5. Top GTGD NĐT nước ngoài trong phiên

| Top 5 mua | GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP) |
|-----------|------------------------|------------|
| VPB | 302,214 | 11,211,424 |
| HDB | 87,895 | 3,312,630 |
| VIC | 81,104 | 3,173,149 |
| MCH | 60,917 | 436,299 |
| FPT | 51,688 | 717,980 |

6. Top GTGD NĐT tự doanh trong phiên

| Top 5 mua | GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP) |
|-----------|------------------------|-----------|
| MCH | 126,274 | 4,262,100 |
| MWG | 168,571 | 26,640 |
| FPT | 62,904 | 870,000 |
| MBB | 49,386 | 1,757,700 |
| YEG | 30,629 | 1,173,000 |

Top 5 bán

| Top 5 bán | GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP) |
|-----------|------------------------|------------|
| STB | -3,124 | -453,900 |
| VNM | -884 | -884,000 |
| HPG | -2,011 | -2,011,000 |
| VHM | -1,718 | -718,000 |
| MSR | -1,234 | -1,234,000 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Địa chỉ: 36 P. Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3562 4626 Ext: 151

Email: research@abs.vn

Website: ABS.VN

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Các thông tin, nhận định được ABS đưa ra dựa trên nguồn tin đáng tin cậy. Người sử dụng báo cáo cần tự chịu trách nhiệm khi sử dụng thông tin để ra quyết định mua, bán chứng khoán.

ABS Chứng khoán An Bình
 Được vinh danh
 Công ty cung cấp
 Dịch vụ chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2026
BEST SECURITIES SERVICE
 Do FinanceAsia bình chọn